

Ngô Thị Kim Thanh

[thanhntk@ssi.com.vn](mailto:thanhntk@ssi.com.vn)

(+84 – 28) 3636 3688 ext. 3053

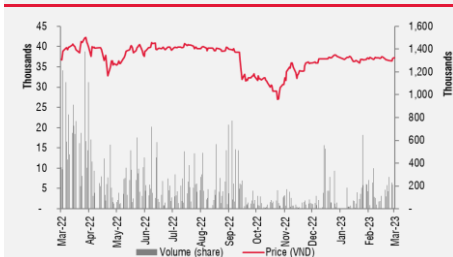
Ngày 24/03/2023

#### NGÀNH NƯỚC

#### Các chỉ tiêu chính

Giá trị vốn hoá (triệu USD):	158
Giá trị vốn hoá (tỷ VND):	3.720
Số cổ phiếu lưu hành (triệu)	100
Giá Cao/thấp nhất trong 52 tuần ('000 VND)	42,4/25,2
KLGD trung bình 3 tháng (cp)	133.933
KLGD trung bình 3 tháng (triệu USD)	0,21
KLGD trung bình 3 tháng (tỷ đồng)	4,96
Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (%)	6
Tỷ lệ sở hữu Nhà nước (%)	0

#### Biến động giá cổ phiếu



Nguồn: Bloomberg

#### Thông tin cơ bản về công ty

Công ty cổ phần nước Thủ Dầu Một được thành lập vào tháng 11 năm 2013. Vào tháng 10 năm 2014, Nhà máy nước Dĩ An với công suất 45.000 m<sup>3</sup>/ ngày. Năm 2015, TDM đã mở rộng nhà máy Dĩ An để tăng công suất lên 90.000 m<sup>3</sup> / ngày. Năm 2017, TDM đã đầu tư nhà máy nước Bàu Bàng giai đoạn 1 với công suất 15.000m<sup>3</sup> / ngày. Các cổ đông đồng sáng lập bao gồm: Công ty TNHH Thương mại N.T.P, Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật D & B, Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Quỳnh Phúc.

## CẬP NHẬT KQKD

### Tăng trưởng lợi nhuận 2023 dự kiến đạt hai chữ số nhờ mức nền thấp trong năm 2022

**LNST năm 2022 giảm mạnh.** Sản lượng nước sạch tiêu thụ trong năm 2022 đạt 69,8 triệu m<sup>3</sup> (+9% svck). Doanh thu tài chính giảm mạnh 88% svck xuống 24 tỷ đồng, do TDM không nhận được cổ tức từ Biwase (HOSE: BWE mà TDM sở hữu 37,42%) như năm 2021. LNST giảm 33% svck đạt 220 tỷ đồng (9,4 triệu USD).

**Kỳ vọng TDM sẽ đạt lợi nhuận hai chữ số trong năm 2023.** Chúng tôi dự báo doanh thu và LNST sẽ đạt lần lượt 497 tỷ đồng (21,4 triệu USD; +3,4% svck) và 283 tỷ đồng (12,2 triệu USD; +28,5% svck). Doanh thu tài chính dự kiến đạt 111 tỷ đồng (+3,62 lần svck), chủ yếu đến từ khoản cổ tức 93,8 tỷ đồng của BWE (cổ tức tiền mặt là 1.300 đồng/cổ phiếu) sẽ được trả vào ngày 26/04/2023. Cổ tức là động lực tăng trưởng chính cho LNST của TDM trong năm 2023. EPS năm 2023 đạt 2.577 đồng/cổ phiếu, tương đương P/E dự phóng là 14,2x.

**Hoạt động M&A giữa các doanh nghiệp trong nước.** TDM sở hữu 20% CTCP Cấp nước Gia Tân, với khoản đầu tư 82 tỷ đồng. Trong năm 2023, việc M&A CTCP Cấp nước Cần Thơ với nhu cầu được kỳ vọng tăng trưởng khả quan.

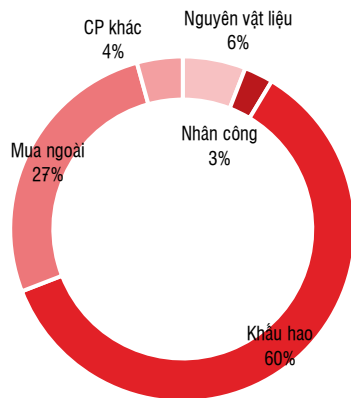
**Luận điểm đầu tư.** Chúng tôi duy trì triển vọng tích cực đối với hoạt động của TDM do nhu cầu tiêu thụ tăng trưởng ổn định và TDM là doanh nghiệp cung cấp nước sạch hoạt động hiệu quả nhất nhờ tỷ lệ thất thoát nước thấp với nguồn nguyên liệu ổn định từ cả sông Đồng Nai và hồ Phước Hòa. Ngoài ra, sản lượng tiêu thụ tại Nhà máy Bàu Bàng dự kiến đạt 10% trong giai đoạn 2022-2025 để đáp ứng nhu cầu trong tương lai tại Khu Công nghiệp & Dân cư Bàu Bàng, cũng như các khách hàng công nghiệp mới tại VSIP 3. Chúng tôi khuyến nghị **KHẢ QUAN** đối với cổ phiếu TDM, với giá mục tiêu là **39.600 đồng/cp** (tiềm năng tăng giá là 6,5%) dựa theo phương pháp DCF. Tỷ lệ chi trả cổ tức sẽ đạt 45% trong năm 2023, tương đương với tỷ suất cổ tức là 3,6%. Trong dài hạn, chúng tôi kỳ vọng thương vụ M&A nhà máy nước Gia Tân - Đồng Nai và CTCP Cấp nước Cần Thơ sẽ là động lực tăng trưởng lợi nhuận chính cho TDM khi nhu cầu tại Bình Dương tăng trưởng chậm lại.

Tỷ đồng	2022	2023F	YoY
Doanh thu	479	496	3,5%
Lợi nhuận thuần	220	283	28,6%
EPS (đồng)	2.204	2.577	16,9%
ROA	9,2%	11,8%	
ROE	15,6%	24,7%	
Cổ tức (đồng)	1.200	1.300	
P/E	16,2	14,6	
P/B	1,6	1,4	
EV/EBITDA	10,1	7,2	

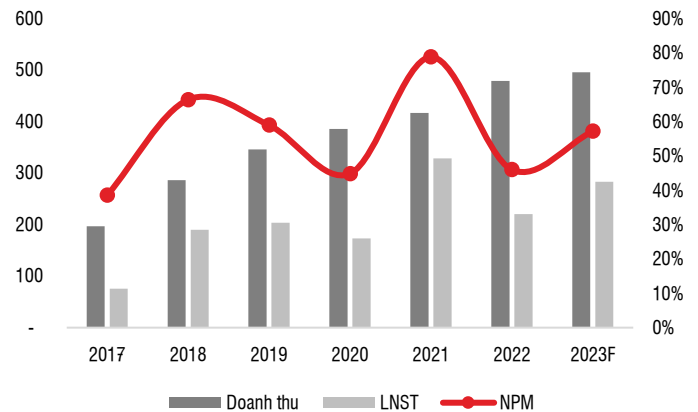
Nguồn: TDM, SSI Research

TDM công bố kết quả kinh doanh năm 2022, với sản lượng nước sạch tiêu thụ đạt 69,8 triệu m<sup>3</sup> (+9% svck) do nhu cầu của khách hàng công nghiệp phục hồi (chiếm 70% nhu cầu). Giá bán nước trung bình tăng 6% svck do công ty không còn áp dụng chính sách giảm giá để hỗ trợ người tiêu dùng như dịch Covid-19. Doanh thu nước sạch đạt 478 tỷ đồng (20,6 triệu USD; +15% svck). Tỷ suất lợi nhuận gộp đạt 52% (+2,3% svck), nhờ tỷ lệ thất thoát nước giảm 0,43% xuống mức 1,1%. Doanh thu tài chính giảm mạnh 88% svck chỉ đạt 24 tỷ đồng, do TDM không nhận được cổ tức từ Biwase (HOSE: BWE, TDM sở hữu 37,42%) giống như năm 2021. LNST giảm 33% svck đạt 220 tỷ đồng (9,4 triệu USD), tương đương với EPS là 2.028 đồng/cổ phiếu.

### Cơ cấu chi phí sản xuất của TDM



### Doanh thu, lợi nhuận ròng (tỷ đồng) và tỷ suất lợi nhuận ròng (%) trong giai đoạn 2020-2023



Nguồn: TDM

Lũy kế đến năm 2022, TDM tham gia đầu tư vào các công ty liên doanh và liên kết với tổng giá trị đạt 1,2 nghìn tỷ đồng, chiếm 47% tổng tài sản. Khoản đầu tư lớn nhất trong năm là BWE (TDM hiện sở hữu 37,42%) với 1,1 nghìn tỷ đồng, trong khi TDM cũng tham gia M&A CTCP Cấp nước Gia Tân (TDM sở hữu 20%), với khoản đầu tư 82 tỷ đồng. Trên thực tế, TDM, BWE và các công ty liên quan sở hữu 57,8% CTCP Cấp nước Gia Tân.

Như thông tin chúng tôi đã đề cập trong báo cáo ngành trước đó ([link](#)), chúng tôi nhận thấy các hoạt động M&A tích cực giữa các công ty trong nước sẽ giúp các công ty đạt được tốc độ tăng trưởng cao hơn so với ngành, đặc biệt là ở tỉnh Bình Dương, nơi mà tăng trưởng dự báo chậm lại trong tương lai.

Chúng tôi đánh giá thương vụ M&A CTCP Cấp nước Gia Tân khá tích cực dựa trên các yếu tố sau: (1) Công suất nhà máy nước sạch Gia Tân sẽ tăng gấp đôi lên 40.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm vào năm 2023; Sản lượng bán nước dự báo tăng 149% svck vào năm 2023 nhờ mở rộng mạng lưới cấp nước sạch cho huyện Cẩm Mỹ và Long Khánh - Đồng Nai; (2) Kỳ vọng tăng trưởng sản lượng trong dài hạn nhờ nhu cầu cấp nước cho các KCN Trảng Bom, Dầu Giây-Đồng Nai (các địa điểm vẫn còn đất cho thuê, trong khi các khu vực trung tâm của Đồng Nai như Nhơn Trạch, Biên Hòa...có tỷ lệ lấp đầy trên 95%) và mở rộng cấp nước cho dịch vụ trên đường cao tốc Long Thành-Dầu Dây; (3) Giảm tỷ lệ thất thoát nước từ mức 19% trong năm 2021 xuống 4,6% trong năm 2023 nhờ hỗ trợ từ BWE.

### TDM: Đầu tư tài chính trong năm 2022

Công ty	Số lượng cổ phiếu	TDM sở hữu (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Giá mua/cp (đồng)	Cổ tức/cp (đồng)
BWE	72.187.500	37,42%	1.061.163	14.700	1.300
DNW	14.475.399	12,06%	196.918	13.604	1.200
CTCP Cấp nước Gia Tân	7.000.000	20,90%	82.550	11.793	
Công ty cổ phần tư vấn - cấp nước môi trường	200.000	25%	5.480	27.400	

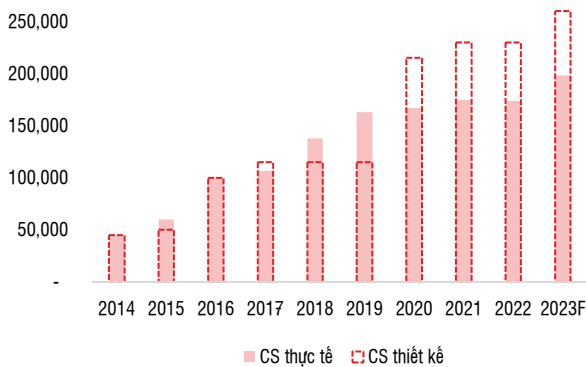
Nguồn: TDM

## Triển vọng

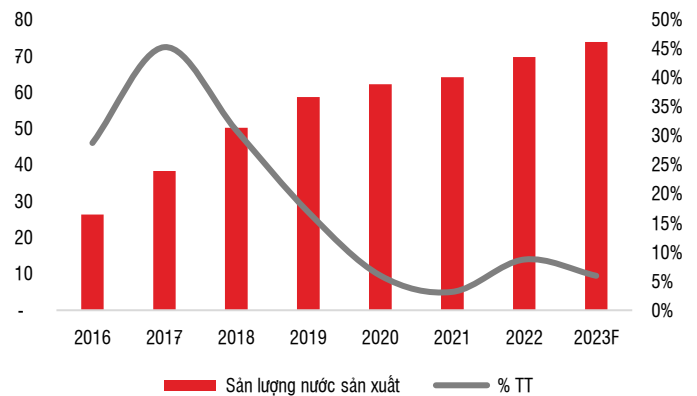
Năm 2023, chúng tôi dự báo doanh thu và LNST lần lượt đạt 497 tỷ đồng (21,4 triệu USD; +3,4% svck) và 283 tỷ đồng (12,2 triệu USD; +28,5% svck). EPS năm 2023 đạt 2.577 đồng/cổ phiếu, tương đương P/E dự phóng là 14,2x. Với các giả định chính như sau:

- Lượng nước tiêu thụ của TDM sẽ đạt 72,3 triệu m<sup>3</sup> (+3,7% svck). Sản lượng tiêu thụ tại Nhà máy nước Dĩ An sẽ đóng góp 83% tổng sản lượng tiêu thụ, đạt 60,3 triệu m<sup>3</sup> (+2,5% svck). Nhu cầu tiêu thụ nước của khách hàng tại các khu công nghiệp dự kiến sẽ giảm trong nửa đầu năm 2023 do suy thoái kinh tế toàn cầu ảnh hưởng đến các ngành nghề xuất khẩu như dệt may, da giày, sản phẩm gỗ nội/ngoại thất.
- Sản lượng tiêu thụ tại Nhà máy nước Bàu Bàng sẽ đạt 12 triệu m<sup>3</sup>/năm (+7% svck; chiếm 17% tổng lượng nước tiêu thụ) khi Khu công nghiệp VSIP 3 cho thuê 180 ha đất trong giai đoạn 2022-2023.

Công suất thiết kế và công suất thực tế (m<sup>3</sup>/ngày đêm)



Sản lượng nước sản xuất (triệu m<sup>3</sup>/năm) và tăng trưởng (%)



Nguồn: TDM

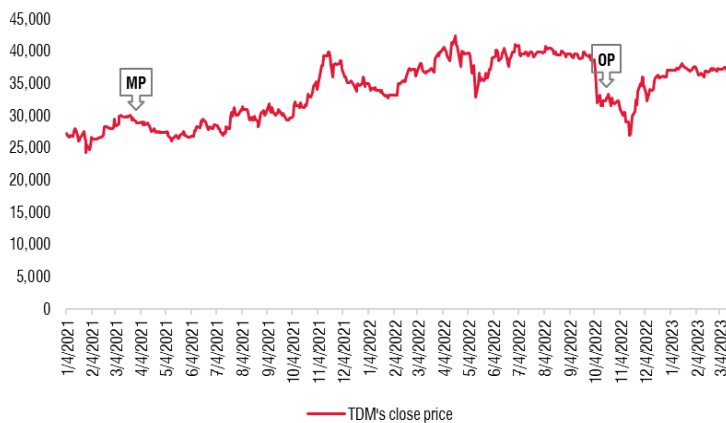
- Giá nước bình quân không đổi do giá nước sạch quy định tại tỉnh Bình Dương giai đoạn 2023-2028 đang được trình lên UBND tỉnh.
- Doanh thu tài chính dự báo đạt 111 tỷ đồng (+3,62 lần svck), chủ yếu đến từ khoản cổ tức 93,8 tỷ đồng của BWE (cổ tức tiền mặt là 1.300 đồng/cổ phiếu) sẽ được thanh toán vào ngày 26/04/2023. Khoản cổ tức này là động lực tăng trưởng chính cho LNST của TDM trong năm 2023.
- TDM dự kiến phát hành riêng lẻ 10 triệu cổ phiếu (tương đương tối đa 10% vốn góp của chủ sở hữu) trong năm 2023. Số tiền thu được dự kiến sẽ được phân bổ như sau: (i) 143 tỷ đồng dự kiến dùng để mua cổ phần của Cấp nước Cần Thơ CTCP; (ii) đầu tư vào 24,4% cổ phần của Công ty Cổ phần Cấp nước Cà Mau với giá trị 50 tỷ đồng; (iii) tăng vốn góp vào CTCP Cấp nước Gia Tân Đồng Nai, với giá trị là 35 tỷ đồng.
- Chi phí đầu tư CAPEX năm 2023 dự kiến là 326 tỷ đồng, cụ thể: (i) 256 tỷ đồng đầu tư vào 'Đường ống dẫn nước D1600' của Nhà máy nước Dĩ An. Khoản này chủ yếu là vay từ JICA và ADB; (ii) Dự kiến đầu tư 70 tỷ đồng vào đường ống truyền tải nước của Nhà máy nước Bàu Bàng, khoản này sẽ bao gồm 40,2 tỷ đồng nợ vay từ Ngân hàng Shinhan và 29,8 tỷ đồng vốn tự có.
- Thương vụ M&A CTCP Cấp nước Cần Thơ với nhu cầu được kỳ vọng sẽ tăng trưởng tích cực nhờ (1) Nhu cầu từ dịch vụ tại tuyến đường cao tốc nối Cần Thơ với các tỉnh lân cận như Cần Thơ - Kiên Giang, An Giang - Cần Thơ; (2) Nhu cầu từ khách hàng công nghiệp khi liên doanh BCM-VSIP phát triển dự án khu công nghiệp

VSIP Cần Thơ với tổng diện tích 300 ha sẽ đi vào hoạt động trong năm 2025; (3) TDM và BWE có thể hỗ trợ Cấp nước Cần Thơ giảm tỷ lệ thất thoát nước, cải thiện hệ thống cấp nước để tăng hiệu quả hoạt động.

### Luận điểm đầu tư

Chúng tôi duy trì triển vọng tích cực đối với hoạt động của TDM do nhu cầu tiêu thụ tăng trưởng ổn định và TDM là doanh nghiệp cung cấp nước sạch hoạt động hiệu quả nhất nhờ tỷ lệ thất thoát nước thấp với nguồn nguyên liệu ổn định từ cả sông Đồng Nai và hồ Phước Hòa. Ngoài ra, sản lượng tiêu thụ tại Nhà máy Bàu Bàng dự kiến đạt 10% trong giai đoạn 2022-2025 để đáp ứng nhu cầu trong tương lai tại Khu Công nghiệp & Dân cư Bàu Bàng, cũng như các khách hàng công nghiệp mới tại VSIP 3. Chúng tôi khuyến nghị **KHẢ QUAN** đối với cổ phiếu TDM, với giá mục tiêu là **39.600 đồng/cp** (tiềm năng tăng giá là 6,5%) dựa theo phương pháp DCF. Tỷ lệ chi trả cổ tức sẽ đạt 45% trong năm 2023, tương đương với tỷ suất cổ tức là 3,6%. Trong dài hạn, chúng tôi kỳ vọng thương vụ M&A nhà máy nước Gia Tân - Đồng Nai và CTCP Cấp nước Cần Thơ sẽ là động lực tăng trưởng lợi nhuận chính cho TDM khi nhu cầu tại Bình Dương tăng trưởng chậm lại.

### Lịch sử khuyến nghị



Nguồn: Bloomberg, SSI Research

Ghi chú: BUY: Mua, OP: Khả quan, MP: Trung lập, UP: Kém khả quan

## PHỤ LỤC: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM

Tỷ đồng	2020	2021	2022	2023F
<b>Bảng cân đối kế toán</b>				
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	53	86	34	47
+ Đầu tư ngắn hạn	-	-	-	-
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	119	101	195	285
+ Hàng tồn kho	7	41	61	3
+ Tài sản ngắn hạn khác	23	17	7	19
<b>Tổng tài sản ngắn hạn</b>	<b>202</b>	<b>245</b>	<b>297</b>	<b>354</b>
+ Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-	-
+ GTCL Tài sản cố định	828	857	725	608
+ Bất động sản đầu tư	119	6	53	57
+ Tài sản dài hạn dở dang	-	-	-	-
+ Đầu tư dài hạn	1.227	1.297	1.328	1.375
+ Tài sản dài hạn khác	3	1	2	2
<b>Tổng tài sản dài hạn</b>	<b>2.022</b>	<b>2.160</b>	<b>2.108</b>	<b>2.042</b>
<b>Tổng tài sản</b>	<b>2.243</b>	<b>2.405</b>	<b>2.404</b>	<b>2.396</b>
+ Nợ ngắn hạn	425	346	250	94
Trong đó: vay ngắn hạn	224	154	142	29
+ Nợ dài hạn	300	213	114	124
Trong đó: vay dài hạn	300	213	114	124
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>725</b>	<b>559</b>	<b>364</b>	<b>218</b>
+ Vốn góp	1.000	1.000	1.000	1.100
+ Thặng dư vốn cổ phần	398	398	398	398
+ Lợi nhuận chưa phân phối	53	210	322	303
+ Quỹ khác	205	239	321	378
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>1.655</b>	<b>1.847</b>	<b>2.041</b>	<b>2.178</b>
<b>Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu</b>	<b>2.380</b>	<b>2.405</b>	<b>2.404</b>	<b>2.396</b>

<b>Lưu chuyển tiền tệ</b>				
Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh	253	345	119	128
Dòng tiền từ hoạt động đầu tư	-375	-36	59	-267
Dòng tiền từ hoạt động tài chính	-147	-277	-231	152
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	-270	33	-53	13
Tiền đầu kỳ	323	53	86	34
Tiền cuối kỳ	53	86	34	47

<b>Các hệ số khả năng thanh toán</b>				
Hệ số thanh toán hiện hành	0,48	0,71	1,19	3,77
Hệ số thanh toán nhanh	0,46	0,59	0,94	3,74
Hệ số thanh toán tiền mặt	0,12	0,25	0,13	0,5
Nợ ròng / EBITDA	1,58	1,06	0,51	0,13
Khả năng thanh toán lãi vay	6,5	9,39	8,09	9,3
Ngày phải thu	111	87	147	207
Ngày phải trả	17,36	3,46	10,43	10,59
Ngày tồn kho	14,71	70,12	94,8	4,01

<b>Cơ cấu vốn</b>				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,7	0,77	0,85	0,91
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,3	0,23	0,15	0,09
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	0,44	0,3	0,18	0,1
Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,32	0,2	0,13	0,07
Nợ ngắn hạn/Vốn chủ sở hữu	0,14	0,08	0,07	0,01

Tỷ đồng	2020	2021	2022	2023F
<b>Báo cáo kết quả kinh doanh</b>				
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>386</b>	<b>417</b>	<b>479</b>	<b>496</b>
Giá vốn hàng bán	-182	-210	-230	-243
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>204</b>	<b>207</b>	<b>249</b>	<b>253</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	20	189	24	111
Chi phí tài chính	-33	-40	-33	-38
Thu nhập từ các công ty liên kết	-	-	-	-
Chi phí bán hàng	-	-	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-9	-9	-10	-11
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>182</b>	<b>346</b>	<b>230</b>	<b>315</b>
Thu nhập khác	-	-	-	-
Lợi nhuận trước thuế	183	336	231	315
<b>Lợi nhuận ròng</b>	<b>173</b>	<b>329</b>	<b>220</b>	<b>283</b>
<b>Lợi nhuận chia cho cổ đông</b>	<b>173</b>	<b>329</b>	<b>220</b>	<b>283</b>
Lợi ích của cổ đông thiểu số	-	-	-	-
EPS cơ bản (VND)	1.807	3.286	2.204	2.577
Giá trị sổ sách (VND)	19.582	20.967	22.971	27.459
Cổ tức (VND/cổ phiếu)	1.000	1.200	1.200	1.300
EBIT	216	376	264	353
EBITDA	320	480	368	500

<b>Tăng trưởng</b>				
Doanh thu	12%	8%	15%	3%
EBITDA	-6%	50%	-23%	36%
EBIT	-15%	74%	-30%	34%
Lợi nhuận ròng	-15%	90%	-33%	29%
Vốn chủ sở hữu	5%	5%	5%	7%
Vốn điều lệ	0%	0%	0%	10%
Tổng tài sản	1%	1%	1%	0%

<b>Định giá</b>				
PE	14,44	10,29	16,2	14,55
PB	1,33	1,61	1,55	1,37
Giá/Doanh thu	0,65	0,81	0,75	0,83
Tỷ suất cổ tức	0,04	0,04	0,03	0,03
EV/EBITDA	12,39	7,86	10,12	7,21
EV/Doanh thu	10,29	9,06	7,77	7,27

<b>Các hệ số khả năng sinh lời</b>				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	52,9%	49,7%	52,0%	51,0%
Tỷ suất lợi nhuận hoạt động	47,3%	83,0%	48,0%	63,5%
Tỷ suất lợi nhuận ròng	44,8%	78,8%	46,0%	57,2%
Chi phí bán hàng/Doanh thu thuần	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%
Chi phí quản lý/Doanh thu thuần	2,3%	2,3%	2,1%	2,3%
ROE	10,4%	10,6%	15,6%	24,7%
ROA	7,3%	13,7%	9,2%	11,8%
ROIC	18,8%	11,6%	20,4%	12,5%

Nguồn: TDM, SSI Research

## CAM KẾT PHÂN TÍCH

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

## KHUYẾN NGHỊ

**Mua:** Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

**Khả quan:** Ước tính tiềm năng tăng giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

**Trung lập:** Ước tính tiềm năng tăng giá tương đương so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

**Kém khả quan:** Ước tính tiềm năng giảm giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

**Bán:** Ước tính tiềm năng giảm giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

## TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Các thông tin, tuyên bố, dự báo và dự đoán trong báo cáo này, bao gồm cả các ý kiến đã thể hiện, được dựa trên các nguồn thông tin mà SSI cho là đáng tin cậy, tuy nhiên SSI không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các thông tin này. Báo cáo không có bất kỳ thông tin nhạy cảm về giá chưa công bố nào. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này được đưa ra sau khi đã được xem xét kỹ càng và cẩn thận và dựa trên thông tin tốt nhất chúng tôi được biết, và theo ý kiến cá nhân của chúng tôi là hợp lý trong các trường hợp tại thời điểm đưa ra báo cáo. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không cần thông báo. Báo cáo này không và không nên được giải thích như một lời đề nghị hay lời kéo để đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. SSI và các công ty con và/ hoặc các chuyên viên, giám đốc, nhân viên của SSI và công ty con có thể có vị thế hoặc có thể ảnh hưởng đến giao dịch chứng khoán của các công ty được đề cập trong báo cáo này và có thể cung cấp dịch vụ hoặc tìm kiếm để cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty đó.

Tài liệu này chỉ được lưu hành nội bộ và không được công bố công khai trên báo chí hay bất kỳ phương tiện nào khác. SSI không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hay thiệt hại do hậu quả phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hay nội dung báo cáo này. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, tuyên bố, dự báo, và dự đoán nào trong báo cáo này sẽ do người dùng tự quyết định và tự chịu rủi ro.

## THÔNG TIN LIÊN HỆ

### Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

#### Hoàng Việt Phương

Giám đốc Trung Tâm phân tích và tư vấn đầu tư

phuonghv@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8729

### Ví mô

#### Phạm Lưu Hưng

Kinh tế trưởng

hungpl@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8711

#### Thái Thị Việt Trinh

Chuyên viên phân tích Ví mô

trinhhtt@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8720

### Phân tích Định lượng

#### Đỗ Nam Tùng

Chuyên viên cao cấp Phân tích Định lượng

tungdn@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8709

### Phân tích cổ phiếu KHCN

#### Ngô Thị Kim Thanh

Chuyên viên phân tích cao cấp

thanhntk@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3053

#### Lê Huyền Trang

Chuyên viên phân tích cao cấp

tranglh@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8717

### Phân tích Ngành Nước

#### Ngô Thị Kim Thanh

Chuyên viên Phân tích cao cấp

thanhntk@ssi.com.vn

SĐT: +84 – 28 3636 3688 ext. 3053

### Chiến lược thị trường

#### Nguyễn Trọng Đình Tâm

Phó Giám đốc Chiến lược Đầu tư

tamntd@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8713

#### Nguyễn Lý Thu Nga

Chuyên viên phân tích cao cấp

nganlt@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3051

### Dữ liệu

#### Nguyễn Thị Kim Tân

Chuyên viên hỗ trợ

tanntk@ssi.com.vn

Tel: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8715